|  |  |
| --- | --- |
| UBND TỈNH QUẢNG BÌNH  **BAN CHỈ ĐẠO VỆ SINH**  **AN TOÀN THỰC PHẨM**  Số: /KH-BCĐVSATTP | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Quảng Bình, ngày tháng 9 năm 2020* |

**KẾ HOẠCH**

**Triển khai công tác bảo đảm an toàn thực phẩm**

**trong dịp Tết Trung thu năm 2020**

Tết Trung thu là dịp nhu cầu sử dụng các loại thực phẩm tăng cao, bao gồm cả số lượng và chủng loại, đặc biệt là các loại bánh, mứt, kẹo, bia rượu, nước giải khát... Vì vậy, công tác bảo đảm an toàn thực phẩm (ATTP) cần được tăng cường. Để thực hiện có hiệu quả Công văn số 1901/ATTP-NĐTP ngày 19/8/2020 của Cục An toàn thực phẩm về việc tăng cường đảm bảo an toàn thực phẩm Tết Trung thu năm 2020; Kế hoạch số 13/KH-BCĐVSATTP ngày 04/02/2020 của Ban chỉ đạo Vệ sinh an toàn thực phẩm tỉnh Quảng Bình về Kế hoạch thực hiện Đề án “Nâng cao chất lượng an toàn thực phẩm giai đoạn 2017-2020” năm 2020; Kế hoạch số 340/KH-BCĐVSATTP ngày 18/02/2020 của Ban Chỉ đạo Vệ sinh an toàn thực phẩm tỉnh Quảng Bình về triển khai công tác kiểm tra, hậu kiểm về an toàn thực phẩm năm 2020, nhằm bảo đảm an toàn thực phẩm trên địa bàn, Ban Chỉ đạo Vệ sinh an toàn thực phẩm tỉnh xây dựng kế hoạch triển khai công tác đảm bảo an toàn thực phẩm trong dịp Tết Trung thu năm 2020 như sau:

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Mục tiêu chung**:

Kiểm soát bảo đảm an toàn thực phẩm trong sản xuất, chế biến, kinh doanh, nhập khẩu và sử dụng thực phẩm; tăng cường phòng chống ngộ độc thực phẩm trong dịp Tết Trung thu năm 2020.

**2. Mục tiêu cụ thể:**

- Hạn chế tối đa các vụ ngộ độc thực phẩm trong dịp Tết Trung thu năm 2020.

- Thành lập các đoàn thanh tra, kiểm tra liên ngành từ tuyến tỉnh đến cấp xã phường tập trung vào các nhóm sản phẩm tiêu thụ nhiều trong dịp Tết Trung thu, yếu tố nguy cơ cao, các cơ sở sản xuất, chế biến thực phẩm.

- Huy động tối đa các kênh truyền thông phổ biến các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm cũng như các kiến thức trong lựa chọn, bảo quản, chế biến và tiêu dùng thực phẩm đến người dân.

**II. THỜI GIAN VÀ PHẠM VI TRIỂN KHAI**

- Thời gian: Từ 03/9/2020 đến hết 06/10/2020.

- Phạm vi: Trên địa bàn toàn tỉnh.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG TRIỂN KHAI:**

**1. Hoạt động truyền thông:**

Nội dung tuyên truyền cho các đối tượng như sau:

- Đối với người sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm: Thực hiện các quy định pháp luật về an toàn thực phẩm, quy định về điều kiện vệ sinh cơ sở, trang thiết bị, dụng cụ, yêu cầu về kiến thức, thực hành của người trực tiếp tham gia sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm, quy định về nguồn gốc nguyên liệu thực phẩm, quy định về đăng ký công bố sản phẩm, tự công bố sản phẩm, sử dụng phẩm màu, hương liệu, phụ gia, bao bì thực phẩm, ghi nhãn thực phẩm.

- Đối với người tiêu dùng: Hướng dẫn lựa chọn, chế biến, bảo quản và sử dụng thực phẩm an toàn.

**2. Hoạt động thanh tra, kiểm tra liên ngành:**

**2.1. Mục đích, yêu cầu:**

- Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo đảm ATTP của các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, dịch vụ ăn uống; ưu tiên tập trung các mặt hàng thực phẩm phục vụ Tết Trung thu. Thông qua hoạt động thanh tra, kiểm tra kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý các trường hợp vi phạm về ATTP, hạn chế các vụ ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm, góp phần làm tốt công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân.

- Đánh giá công tác chỉ đạo, triển khai các biện pháp bảo đảm ATTP trong dịp Tết Trung thu của các cấp, các ngành từ huyện đến xã/phường/thị trấn.

- Trong quá trình thanh tra, kiểm tra kết hợp làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục các kiến thức, các quy định của pháp luật về bảo đảm ATTP, nâng cao nhận thức và ý thức của cộng đồng trong công tác bảo đảm ATTP.

**2.2. Đối tượng thanh tra, kiểm tra:**

- Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm, dịch vụ ăn uống; tập trung ưu tiên vào những cơ sở sản xuất, kinh doanh các mặt hàng thực phẩm được sử dụng nhiều trong dịp Tết Trung thu như bánh, mứt, kẹo, bia, rượu, nước giải khát, thịt, sản phẩm từ thịt... Trong đó, đoàn của tuyến tỉnh sẽ tập trung thanh tra, kiểm tra những nơi cung cấp thực phẩm với số lượng lớn như cơ sở sản xuất lớn, các chợ đầu mối, siêu thị, cơ sở thương mại tập trung... Đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ ăn uống vừa và nhỏ do các đoàn liên ngành của cấp huyện, xã thực hiện thanh tra, kiểm tra.

- Đối với công tác quản lý về ATTP: Trong quá trình thanh tra, kiểm tra các đoàn thanh tra, kiểm tra của tuyến trên sẽ làm việc với Ban chỉ đạo liên ngành vệ sinh an toàn thực phẩm của tuyến dưới để nắm bắt tình hình công tác bảo đảm ATTP tại các địa phương, việc triển khai các biện pháp quản lý ATTP, công tác thanh tra, kiểm tra ATTP tại mỗi cấp.

**2.3. Nội dung thanh tra, kiểm tra.**

**a. Đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống:** Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định về bảo đảm an toàn thực phẩm được quy định tại các văn bản:

- Luật Thanh tra số 56/2010/QH12 ngày 15/11/2010 ;

- Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/06/ 2010;

- Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11 ngày 29/6/2006 ;

- Luật chất lượng sản phẩm hàng hoá số 05/2007/QH12 ngày 21/11/2007;

- Luật quảng cáo ngày 21 tháng 6 năm 2012;

- Nghị định số 15/2018/ND-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm;

- Nghị định 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế;

- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/7/2017 của Chính phủ về kinh doanh Rượu;

- Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 của Chính phủ về ghi nhãn hàng hóa.

- Nghị định 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Luật Quảng cáo;

- Thông tư số 43/2014/TT-BYT ngày 24/11/2014 của Bộ Y tế về hướng dẫn quản lý thực phẩm chức năng;

- Thông tư số 27/2012/TT-BYT ngày 30/11/2012 hưóng dẫn việc quản lý phụ gia thực phẩm; Thông tư số 08/2015/TT-BYT ngày 11/5/2015 sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 27/2012/TT-BYT ngày 30/11/2012 hưóng dẫn việc quản lý phụ gia thực phẩm;

- Thông tư số 48/2015/TT-BYT ngày 01/12/2015 của Bộ Y tế Quy định hoạt động kiểm tra an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế ;

- Thông tư số 23/2018/TT-BYT ngày14/9/2018 của Bộ Y tê quy định việc thu hồi và xử lý thực phẩm không đảm bảo an toàn thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Y tế;

- Thông tư số 09/2015/TT-BYT ngày 25/5/2015 của Bộ Y tế quy định về xác nhận nội dung quảng cáo đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đặc biệt thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Y tế.

- Thông tư số 26/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc kiểm tra nhà nước về chất luợng hàng hoá lưu thông trên thị trường ; Thông tư số 12/2017/TT-BKHCN ngày 28/9/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư 26/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc kiểm tra nhà nước về chất luợng hàng hoá lưu thông trên thị trường ;

- Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018 của Bộ Công thương quy định về quản lý an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm Bộ Công thương;

- Thông tư 38/2018/TT-NNNPTNT ngày 25/12/2018 quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thuỷ sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ;

- Thông tư số 17/2018/TT-NNNPTNT ngày 31/10/2018 quy định phuơng thức quản lý điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất kinh doanh nông lâm thuỷ sản thuộc diện cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

- Thông tư 48/2013/TT- BNNPTNT ngày 12/11/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm tra, chứng nhận an toàn thực phẩm thuỷ sản xuất khẩu;

- Văn bản hợp nhất số 09/VBHN-BCT ngày 09 tháng 02 năm 2018 của Bộ Công thương về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công thương;

- Các Thông tư của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công thương quy định điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

**Trong quá trình thanh tra, kiểm tra tập trung xem xét các nội dung:**

- Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (đối với những cơ sở thuộc diện phải có giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm).

- Giấy cam kết sản xuất thực phẩm an toàn (đối với cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ).

- Giấy chứng nhận sức khỏe, xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm của chủ cơ sở và người lao động trực tiếp tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm.

- Việc thực hiện các quy định về tự cộng bố sản phẩm/ đăng ký bản công bố sản phẩm, trình tự công bố sản phẩm, phiếu kết quả kiểm nghiệm và các hồ sơ, tài liệu pháp lý quy định tại Chương II và Chương III Nghị định số 15/2018/ND-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ;

- Nhãn sản phẩm thực phẩm đối với những sản phẩm thuộc diện phải ghi nhãn.

- Về quảng cáo đối với các nhóm thực phẩm phải đăng ký nội dung trước khi thực hiện quảng cáo quy định tại Điều 26 Nghị định số 15/2018/ND-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ;

- Điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh rượu, thực phẩm; điều kiện về trang thiết bị, dụng cụ, con người được quy định tại Luật an toàn thực phẩm và thông tư của các Bộ: Y tế, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công thương.

- Truy xuất nguồn gốc thực phẩm thực hiện theo quy định tại Chương XI Nghị định số 15/2018/ND-CP ngày 02/02/2018;

- Lấy mẫu kiểm nghiệm các chỉ tiêu an toàn thực phẩm theo quy định khi cần thiết.

**b. Đối với cơ quan quản lý về an toàn thực phẩm địa phương cần nắm bắt thực trạng về:**

- Công tác chỉ đạo, việc triển khai các biện pháp bảo đảm an toàn thực phẩm;

- Công tác tuyên truyền giáo dục các quy định, kiến thức về an toàn thực phẩm;

- Việc triển khai các đoàn thanh tra, kiểm tra an toàn thực phẩm trong dịp Tết Trung thu năm 2020.

**2.4. Phương pháp thanh tra, kiểm tra**

**a. Các cơ quan quản lý ATTP của tỉnh và địa phương:**

Thành lập các Đoàn thanh tra, kiểm tra liên ngành tiến hành thanh tra/ kiểm tra trực tiếp tại các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm, dịch vụ ăn uống và nắm bắt thực trạng công tác đảm bảo ATTP của tuyến dưới.

**b. Trong quá trình thanh tra, kiểm tra chú trọng:**

+ Nghe báo cáo việc chấp hành các quy định bảo đảm ATTP của cơ sở;

+ Thu thập tài liệu liên quan;

+ Kiểm tra, xác minh thực tế tại cơ sở thực phẩm;

+ Lấy mẫu để kiểm nghiệm các chỉ tiêu ATTP (nếu có);

+ Lập biên bản thanh tra, kiểm tra, biên bản vi phạm hành chính (nếu có);

+ Phân tích, đánh giá hồ sơ liên quan an toàn thực phẩm;

+ Phân tích, đánh giá kết quả kiểm nghiệm để hoàn thành báo cáo;

Kết thúc đợt thanh tra, kiểm tra, các đoàn tiến hành nhận xét, đánh giá việc thực hiện các quy định về bảo đảm ATTP tại cơ sở thực phẩm; việc triển khai công tác bảo đảm ATTP trong dịp Tết Trung thu năm 2019 tại địa phương; đề xuất các giải pháp tăng cường bảo đảm ATTP.

**2.5. Xử lý vi phạm**

**a. Các căn cứ pháp lý để xử lý vi phạm**

- Luật Thanh tra số 56/2010/QH12 ngày 15/11/2010 ;

- Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 ngày 20/6/2012 ;

- Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật xử lý vi phạm hành chính ;

- Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của Chỉnh phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật xử lý vi phạm hành chính;

- Nghị định 115/2018/NĐ-CP ngày 04/09/2018 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an toàn thực phẩm;

- Nghị định số 119/2017/NĐ-CP ngày 01/11/2017 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

- Nghị định số 90/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y;

- Nghị định số 31/2016/NĐ-CP ngày 06/5/2016 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giống cây trồng, bảo vệ và kiểm dịch thực vật;

- Nghị định số 158/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch và quảng cáo;

- Nghị định số 28/2017/NĐ-CP ngày 20/3/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số [131/2013/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=131/2013/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về quyền tác giả, quyền liên quan và Nghị định số 1[58/2013/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=58/2013/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch và quảng cáo;

- Nghị định số 185/2013/NĐ-CP ngày 15/11/2013 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; Nghị định 124/2015/NĐ-CP ngày 19/11/2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ định một số điều của Nghị định số 185/2013/NĐ-CP ngày 15/11/2013 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ người tiêu dùng;

- Thông tư số 23/2018/TT-BYT ngày14/9/2018 của Bộ Y tê quy định việc thu hồi và xử lý thực phẩm không đảm bảo an toàn thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Y tế;

- Các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

**b. Thực hiện xử lý vi phạm**

Các đoàn thanh tra, kiểm tra khi phát hiện vi phạm phải xử lý theo đúng quy định của pháp luật; tuyệt đối không để thực phẩm không bảo đảm an toàn thực phẩm được phát hiện trong quá trình thanh tra, kiểm tra lưu thông trên thị trường. Xử lý nghiêm các cá nhân/tổ chức vi phạm quy định về an toàn thực phẩm. Áp dụng thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm, các hình thức phạt bổ sung, biện pháp khắc phục hậu quả, công khai thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng theo đúng quy định của pháp luật.

**2.6. Triển khai thực hiện**

**a) Tuyến tỉnh:**

Tùy theo điều kiện thực tế và tình hình dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn:

- Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh thành lập đoàn thanh tra, kiểm tra liên ngành an toàn thực phẩm trong dịp Tết Trung thu năm 2020, tiến hành thanh tra, kiểm tra tại các huyện, thành phố, thị xã trên địa bàn tỉnh.

- Các ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công thương chỉ đạo, thành lập Đoàn thanh tra, kiểm tra, hậu kiểm các sản phẩm, nhóm sản phẩm thuộc phạm vị quản lý theo Nghị định 15/2018/NĐ-CP trên địa bàn trong dịp Tết Trung thu năm 2020.

**b) Tuyến huyện, thành phố**

- Tùy theo điều kiện thực tế và tình hình dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn, UBND các huyện, thành phố, thị xã thành lập các đoàn thanh tra, kiểm tra liên ngành an toàn thực phẩm tiến hành thanh tra, kiểm tra tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn; Đồng thời chỉ đạo các xã, phường, thị trấn triển khai đợt thanh tra, kiểm tra an toàn thực phẩm trong dịp Tết Trung thu năm 2020; phối hợp chặt chẽ với các Đoàn tuyến trên khi thanh tra, kiểm tra tại địa phương.

- Các đoàn thanh tra, kiểm tra liên ngành tại địa phương chủ động mời đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cùng cấp tham gia kiểm tra theo chương trình số 90/CTrPH/CP-ĐCTUBTWMTTQVN phối hợp vận động và giám sát bảo đảm an toàn thực phẩm giai đoạn 2016-2020 ngày 30/3/2016.

**c. Lấy mẫu kiểm nghiệm**

**- Tại tuyến tỉnh:**

+ Việc lấy mẫu và chỉ định chỉ tiêu kiểm nghiệm do Trưởng đoàn thanh tra, kiểm tra quyết định trên cơ sở căn cứ tình hình thực tế nguy cơ mất an toàn thực phẩm tại nơi được thanh tra, kiểm tra.

+ Kinh phí cho việc mua mẫu và kiểm nghiệm mẫu được thực hiện theo quy định hiện hành.

**- Tại tuyến huyện:**

Ban Chỉ đạo liên ngành vệ sinh an toàn thực phẩm của địa phương quy định cụ thể việc lấy mẫu, kiểm nghiệm mẫu phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra.

**3. Tổng kết, báo cáo**

Kết thúc đợt Tết Trung thu, Các đoàn thanh tra, kiểm tra tuyến tỉnh, Ban chỉ đạo liên ngành VSATTP các huyện, thành phố, thị xã báo cáo kết quả thực hiện về Ban chỉ đạo VSATTP tỉnh theo mẫu 1 và mẫu 2 trước ngày 9/10/2020 để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh và Ban chỉ đạo liên ngành Trung ương về VSATTP.

Các báo cáo gửi về Thường trực Ban Chỉ đạo VSATTP tỉnh - Sở Y tế Quảng Bình (Qua Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm, 28 Hoàng Hoa Thám, P. Đồng Phú, TP. Đồng Hới, ĐT: 02323.851.495, Email: thanhtraattp.qb@gmail.com).

**IV. KINH PHÍ**

Nguồn kinh phí có thể huy động:

- Kinh phí Chương trình mục tiêu y tế và dân số;

- Kinh phí của các địa phương;

- Kinh phí huy động từ các nguồn hợp pháp khác.

**V. TỔ CHỨC TRIỂN KHAI**

**1. Cơ quan chủ trì:**

**a) Tại tuyến tỉnh:**

- Uỷ ban nhân dân tỉnh.

- Ban Chỉ đạo Vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Sở Y tế (Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm) là cơ quan thường trực.

- Mời Uỷ ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh.

**b) Tại tuyến huyện, thành phố, thị xã.**

- Uỷ ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố.

- Ban Chỉ đạo Vệ sinh an toàn thực phẩm cấp huyện.

- Mời Uỷ ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam cùng cấp.

- Phòng Y tế; Trung tâm Y tế huyện, thị xã, thành phố là cơ quan tham mưu triển khai thực hiện.

**c) Tại tuyến xã, phường, thị trấn:**

- Uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

- Ban Chỉ đạo Vệ sinh an toàn thực phẩm cấp xã.

- Mời Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam cùng cấp.

- Trạm Y tế xã, phường, thị trấn là cơ quan thường trực.

**2. Cơ quan phối hợp:**

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Công thương, Công an tỉnh; Cục Quản lý thị trường; Sở Văn hóa – Thể thao; Sở Du lịch; Sở Tài chính, Sở Thông tin & Truyền thông; Đài Phát thanh – Truyền hình Quảng Bình.

**VI. TIẾN TRÌNH THỰC HIỆN**

**1. Xây dựng kế hoạch:**

- Tại tuyến tỉnh: Trước 31/8/2020.

- Tại các địa phương: trước 03/9/2020.

**2. Triển khai truyền thông:** Từ ngày 03/9/2020 đến ngày 06/10/2020.

**3. Triển khai thanh tra, kiểm tra:**

- Tuyến tỉnh: Tùy theo điều kiện thực tế và tình hình dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn triển khai thanh tra, kiểm tra từ ngày 03/9/2020 đến 06/10/2020.

- Tại các địa phương: Triển khai kế hoạch thanh tra, kiểm tra chủ động trước, trong và sau Tết Trung thu tùy theo đặc thù, điều kiện và tình hình dịch bệnh Covid-19 của từng địa phương, triển khai từ 03/9/2020 đến 06/10/2020.

Trên đây là Kế hoạch triển khai công tác bảo đảm an toàn thực phẩm trong dịp Tết Trung thu năm 2020, Ban Chỉ đạo Vệ sinh an toàn thực phẩm tỉnh đề nghị các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã căn cứ bản Kế hoạch này, tình hình, diễn biến dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn để xây dựng kế hoạch, triển khai các hoạt động truyền thông, thanh tra, kiểm tra an toàn thực phẩm trên địa bàn quản lý; báo cáo kết quả về Sở Y tế (Qua Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm) để tổng hợp báo cáo theo quy định./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - BCĐLNVSATTPTƯ (để b/c);  - UBMTTQVN tỉnh;  - CT, các PCT UBND tỉnh;  - Thành viên BCĐVSATTP tỉnh;  - UBND các huyện,TP,TX;  - BCĐ các huyện,TP,TX;  - VP UBND tỉnh;  - Lưu: VT, KT, KGVX. | **TRƯ­ỞNG BAN**    **CHỦ TỊCH UBND TỈNH**  **Trần Công Thuật** |

ĐƠN VỊ........................ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**MẪU 1**

......................................  **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

*Quảng Bình, ngày tháng năm 2020*

**BÁO CÁO**

**Kết quả thanh tra, kiểm tra trong dịp tết Trung thu năm 2020**

**do địa phương thực hiện**

**I. Công tác chỉ đạo:**

(nêu cụ thể)

**II. Kết quả thanh tra, kiểm tra tại cơ sở thực phẩm** *(không bao gồm các cơ sở do đoàn liên ngành tỉnh thực hiện và báo cáo):*

**1. Việc tổ chức các đoàn thanh tra, kiểm tra**

Tổng số đoàn thanh tra, kiểm tra:

Trong đó:

1.1 Số đoàn thanh tra, kiểm tra tuyến huyện

1.2 Số đoàn thanh tra, kiểm tra tuyến huyện:

1.3 Số đoàn kiểm tra tuyến xã:

**Bảng1: Kết quả thanh tra, kiểm tra:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Loại hình cơ sở**  **thực phẩm** | **Tổng số cơ sở** | **Số cơ sở được thanh, kiểm tra** | **Số cơ sở đạt** | **Tỷ lệ % đạt** |
| 1 | Sản xuất |  |  |  |  |
| 2 | Sơ chế, chế biến |  |  |  |  |
| 3 | Kinh doanh |  |  |  |  |
|  | Tổng số (1 + 2 + 3) |  |  |  |  |

**Bảng 2: Tình hình vi phạm và xử lý vi phạm**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tổng hợp tình hình vi phạm** | **Số lượng** | **Tỷ lệ % so với số được kiểm tra** |
| 1 | Tổng số cơ sở được thanh tra, kiểm tra |  |  |
| 2 | Số cơ sở có vi phạm |  |  |
| 3 | Số cơ sở vi phạm bị xử lý |  |  |
|  | Trong đó: |  |  |
| 3.1 | Hình thức phạt chính: |  |  |
|  | Số cơ sở bị cảnh cáo |  |  |
|  | Số cơ sở bị phạt tiền |  |  |
|  | Tổng số tiền phạt |  |  |
| 3.2 | Hình thức phạt bổ sung, biện pháp khắc phục hậu quả |  |  |
| \* | Số cơ sở bị đóng cửa |  |  |
| \* | Số cơ sở bị đình chỉ lưu hành sản phẩm |  |  |
|  | Số sản phẩm bị đình chỉ lưu hành |  |  |
| \* | Số cơ sở bị tiêu huỷ sản phẩm |  |  |
|  | Tổng số loại sản phẩm bị tiêu hủy |  |  |
| \* | Số cơ sở phải khắc phục về nhãn |  |  |
|  | Số loại sản phẩm có nhãn phải khắc phục |  |  |
| \* | Số cơ sở bị đình chỉ lưu hành tài liệu q/cáo |  |  |
|  | Số loại tài liệu q/cáo bị đình chỉ lưu hành |  |  |
| \* | Các xử lý khác |  |  |
| 3.3 | Chuyển hồ sơ sang cơ quan khác xử lý |  |  |
| 3.4 | Số cơ sở có vi phạm nhưng không xử lý (chỉ nhắc nhở) |  |  |

**Bảng 3: Các nội dung vi phạm chủ yếu**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung vi phạm** | **Số cơ sở được thanh tra** | **Số cơ sở vi phạm** | **Tỷlệ %** |
| 1 | Quy định về sử dụng thuốc bảo vệ thực vật |  |  |  |
| 2 | Quy đinh về sử dụng chất cấm, thuốc kháng sinh trong chăn nuôi |  |  |  |
| 3 | Điều kiện trang thiết bị dụng cụ |  |  |  |
| 4 | Điều kiện về con người |  |  |  |
| 5 | Công bố sản phẩm |  |  |  |
| 6 | Ghi nhãn thực phẩm |  |  |  |
| 7 | Quảng cáo thực phẩm |  |  |  |
| 8 | Chất lượng sản phẩm thực phẩm |  |  |  |
| 9 | Vi phạmkhác (ghi rõ) |  |  |  |

**Bảng 4: Kết quả kiểm nghiệm mẫu:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Loại xét nghiệm** | **Kết quả xét nghiệm mẫu** | | |
| **Tổng số mẫu xét nghiệm** | **Số mẫu không đạt** | **Tỷ lệ % không đạt** |
| 1 | Xét nghiệm tại labo |  |  |  |
| 1.1 | Hóa lý |  |  |  |
| 1.2 | Vi sinh |  |  |  |
|  | Tổng số xét nghiệm tại labo |  |  |  |
| 2 | Xét nghiệm nhanh |  |  |  |
| 3 | Cộng |  |  |  |

**2. Kết quả thanh tra, kiểm tra:**

**III. Nhận xét, đánh giá chung (**Đề nghị nhận xét, đánh giá cụ thể theo số liệu thực tế tại các bảng từ 1 – 4).

**IV. Đề xuất kiến nghị (ghi cụ thể)**

**Mẫu 2**

|  |  |
| --- | --- |
| ... (tên cơ quan chủ quản)  ... (tên cơ quan báo cáo)  Số:....../BC - … | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Ngày tháng năm 20......* |

Kính gửi: Ban chỉ đạo vệ sinh an toàn thực phẩm tỉnh

**BÁO CÁO**

**Triển khai Kế hoạch bảo đảm an toàn thực phẩm**

**Tết Trung thu năm 2020**

1. **Công tác chỉ đạo:**

Xây dựng Kế hoạch và công văn chỉ đạo triển khai Kế hoạch tới các đơn vị trực thuộc (nêu cụ thể)

**II. Các hoạt động đã triển khai:**

**1. Các hoạt động truyền thông được triển khai**:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| TT | **Hoạt động** | **Số lượng/buổi** | **Số người tham dự/phạm vi bao phủ.** |
| 1 | Họp cộng tác viên báo chí |  |  |
| 2 | Nói chuyện |  |  |
| 3 | Tập huấn |  |  |
| 4 | Hội thảo |  |  |
| 5 | Phát thanh: tỉnh |  |  |
|  | Phát thanh: huyện |  |  |
|  | Phát thanh: xã/phường |  |  |
|  | Phát thanh: thôn/ bản |  |  |
| 6 | Truyền hình: tỉnh |  |  |
| 7 | Báo viết: tỉnh |  |  |
|  | Báo viết: huyện |  |  |
|  | Bản tin: xã/phường |  |  |
| 8 | Sản phẩm truyền thông: |  |  |
| - Băng rôn, khẩu hiệu |  |  |
| - Tranh áp - phích |  |  |
| - Tờ gấp |  |  |
| - Băng, đĩa hình |  |  |
| - Băng, đĩa âm |  |  |
| - Khác …. |  |  |
| 9 | Hoạt động khác: hội thi, hội thao tuyên truyền VSATTP ... |  |  |

**2. Hoạt động kiểm tra, thanh tra: (theo Mẫu 1)**

**III. Tình hình ngộ độc thực phẩm trong dịp Tết Trung thu** (từ ngày 3/9/2020 đến 6/10/2020)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | **Chỉ số** | **Năm 2020**  **(Từ…….. đến……….)** | **Số cùng kỳ năm 2019** | **So sánh** |
| 1. | Số vụ (vụ) |  |  |  |
| 2. | Số mắc (ca) |  |  |  |
| 3. | Số chết (người) |  |  |  |
| 4. | Số đi Viện (ca) |  |  |  |
| 5. | Nguyên nhân (cụ thể) |  |  |  |

Đánh giá: So sánh với tình hình ngộ độc thực phẩm cùng kỳ năm trước; nguyên nhân chủ yếu, giải pháp khắc phục.

**IV. Đánh giá chung:**

***1. Ưu điểm:***

...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***2. Hạn chế, tồn tại:***

...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***3. Kiến nghị:***

...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

(*Ký tên, đóng dấu*)